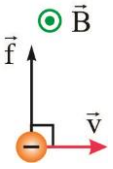
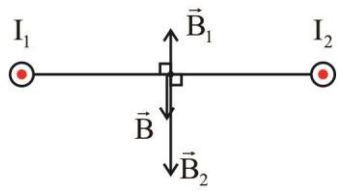


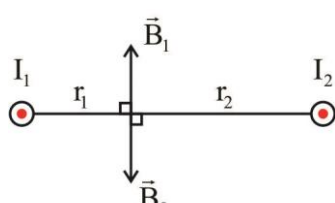
ĐÁP ÁN MÔN VẬT LÝ 10 – KTTT LẦN 1 – HK II – NĂM HỌC 2015-2016

Câu	Đáp án	Thang điểm
Câu 1 (2 điểm)	<u>Động lượng của vật có khối lượng m đang chuyển động với vận tốc $\vec{v}$ là đại lượng được xác định bởi công thức:</u> $\vec{p} = m \vec{v}$ <u>Động lượng $\vec{p}$ của một vật là một vector cùng hướng với vector vận tốc</u> Trong đó: m là khối lượng (kg) v là vận tốc (m/s) p là động lượng (kg.m/s)	Mỗi ý đúng: 0,25 đ - Công thức đúng: 0,5 đ - Giải thích đúng: 0,25 đ (Giải thích 2 ý đúng: 0,25 đ)
Câu 2 (3 điểm)	<u>Nếu lực không đổi $\vec{F}$ tác dụng lên một vật và điểm đặt của lực đó chuyển dời một đoạn s theo hướng hợp với hướng của lực góc α thì công của lực $\vec{F}$ được tính theo công thức :</u> $A = F.s.\cos\alpha$ Trong đó: F là lực tác dụng lên vật (N) s là quãng đường (m) A là công của lực F (J) α là góc hợp bởi $\vec{F}$ và $\vec{s}$	- Mỗi ý đúng: 0,5 đ - Đúng công thức: 0,5 đ - <i>Nêu tên các đại lượng và đơn vị của chúng trong biểu thức:</i> + Đúng 4 ý: 0,5 đ + Đúng 2 hoặc 3 ý: 0,25 đ
	Áp dụng: Vật chuyển động đều: $S = v.t = 80 \text{ m}$ Và $F = P = mg = 8\,000 \text{ N}$ $A = F.s \cos\alpha = 64\,000 \text{ J}$	+ Tính được s: 0,25 đ + Tính được F: 0,25 đ + Đúng công thức: 0,25 đ + Đúng kết quả: 0,25 đ
Câu 3 (1,5 điểm)	Vẽ hình hoặc chọn chiều dương. Theo định luật bảo toàn động lượng $\vec{p}_1 + \vec{p}_2 = \vec{p}'_1 + \vec{p}'_2$ $m_1 \cdot \vec{v}_1 + m_2 \cdot \vec{v}_2 = m_1 \cdot \vec{v}'_1 + m_2 \cdot \vec{v}'_2 (*)$ Chiều (*) lên chiều dương đã chọn. $m_1 \cdot v_1 = m_1 \cdot v'_1 + m_2 \cdot v'_2$ $m_2 = 2 \text{ kg}$	+ Chọn chiều dương : 0,25 đ + Đúng biểu thức ĐLBTDL: 0,5 đ + Đúng biểu thức chiếu lên chiều dương: 0,25 đ + Đúng kết quả: 0,5 đ

Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM
Trường THPT Tân Túc

ĐÁP ÁN MÔN VẬT LÝ 11 – KTTT LẦN 1 – HK II – NĂM HỌC 2015-2016

Câu	Nội dung	Điểm
1 (3 điểm)	Lực Lo-ren-xơ $\vec{f}$ tác dụng lên điện tích q_0 chuyển động với vận tốc $\vec{v}$ trong từ trường đều $\vec{B}$ có: • <u>Điểm đặt:</u> lên điện tích q_0. • <u>Phương:</u> vuông góc với $\vec{v}$ và $\vec{B}$. • <u>Chiều:</u> xác định bằng quy tắc bàn tay trái. • <u>Độ lớn:</u> $f = q_0 vB\sin\alpha$ f là lực Lo-ren-xơ (N) q_0 là điện tích (C) v là vận tốc (m/s) B là cảm ứng từ (T) α là góc tạo bởi $\vec{v}$ và $\vec{B}$	Mỗi gạch đúng: 0,25đ Giải thích đúng: 0,25đ
	Để bàn tay trái mở rộng sao cho từ trường hướng vào lòng bàn tay, chiều từ cổ tay đến ngón giữa là chiều của $\vec{v}$ khi $q_0 > 0$ và ngược chiều $\vec{v}$ khi $q_0 < 0$. Lúc đó, <u>chiều của lực Lo-ren-xơ là chiều của ngón cái choãi ra.</u>	Mỗi gạch đúng: 0,25đ
	$f = q_0 vB\sin\alpha = 1,6 \cdot 10^{-19} \cdot 10^4 \cdot 10^{-4} \cdot \sin 90^\circ = 1,6 \cdot 10^{-19} \text{ N}$	Đúng đáp án: 0,5đ
		Vẽ hình đúng: 0,5đ
2 (2 điểm)	<u>Độ lớn của suất điện động cảm ứng xuất hiện trong mạch kín tỉ lệ với tốc độ biến thiên của từ thông qua mạch kín đó.</u> Công thức: $e_c = -\frac{\Delta\Phi}{\Delta t}$ Trong đó: • e_c suất điện động cảm ứng (V) • $\Delta\Phi$ độ biến thiên từ thông (Wb) • Δt khoảng thời gian từ thông biến thiên (s).	Mỗi gạch đúng: 0,5đ Đúng công thức: 0,5đ Giải thích đúng: 0,5đ
3 (2,5 điểm)	a) $\vec{B} = \vec{B}_1 + \vec{B}_2$ 	Đúng công thức: 0,25đ Vẽ hình đúng: 0,25đ

	$B_1 = 2.10^{-7} \frac{I_1}{r_1} = 3,2.10^{-6} \text{ (T)}$ $B_2 = 2.10^{-7} \frac{I_2}{r_2} = 6,4.10^{-6} \text{ (T)}$ Vì $\vec{B}_1 \uparrow \downarrow \vec{B}_2$ nên $B = B_2 - B_1 = 3,2.10^{-6} \text{ (T)}$	Tính đúng B_1, B_2: 0,5đ Đúng B: 0,25đ
	b) $\vec{B} = \vec{B}_1 + \vec{B}_2 = \vec{0} \Rightarrow \begin{cases} \vec{B}_1 \uparrow \downarrow \vec{B}_2 \\ B_1 = B_2 \end{cases}$ $B_1 = B_2 \Rightarrow r_2 = 2r_1$  $\begin{cases} r_2 + r_1 = 15 \text{ cm} \\ r_2 = 2r_1 \end{cases} \Rightarrow r_1 = 5 \text{ cm}; r_2 = 10 \text{ cm.}$ Quỹ tích những điểm cần tìm là đường thẳng song song với hai dây dẫn, cách dòng I_1 đoạn 5 cm, cách dòng I_2 đoạn 10 cm.	Giải thích đúng: 0,5đ Lập đúng hệ pt: 0,5đ Kết luận đúng: 0,25đ
4 (2,5 điểm)	a. Giai đoạn A $\rightarrow$ B: $\Delta\Phi_{AB} = N(B_B - B_A)S\cos 60^\circ = 100.(4.10^{-3} - 1.10^{-3}).200.10^{-4}.\cos 60^\circ = 3.10^{-3} \text{ (Wb)}$ $ e_C _{AB} = \left -\frac{\Delta\Phi_{AB}}{\Delta t} \right = \left \frac{3.10^{-3}}{0,3} \right = 0,01 \text{ (V)}$	Đúng $\Delta\phi$ mỗi giai đoạn 0,5đ Đúng e_C mỗi giai đoạn: 0,25đ
	Giai đoạn B $\rightarrow$ C: $\Delta\Phi_{BC} = N(B_C - B_B)S\cos 60^\circ = 100.(0 - 4.10^{-3}).200.10^{-4}.\cos 60^\circ = -4.10^{-4} \text{ (Wb)}$ $ e_C _{BC} = \left -\frac{\Delta\Phi_{BC}}{\Delta t} \right = \left \frac{4.10^{-4}}{0,5} \right = 8.10^{-4} \text{ (V)}$	

	b. $\Delta\Phi = NB_B S(\cos 0^\circ - \cos 60^\circ) = 100.4.10^{-3}.200.10^{-4}(1 - \frac{1}{2}) = 4.10^{-3}(\text{Wb})$ $e_c = \left -\frac{\Delta\Phi}{\Delta t} \right = \left \frac{-4.10^{-3}}{0,4} \right = 0,01(\text{V})$	Đúng $\Delta\phi$ 0,5đ Đúng e_c : 0,5đ
--	--	--

Chú ý

- Mỗi lần sai đơn vị trừ 0,25 điểm và trừ không quá 0,5 điểm toàn bài.
- Nếu cách làm khác đúng thì vẫn được trọn điểm câu đó.

ĐÁP ÁN MÔN VẬT LÝ 12 – KTTT LẦN 1 – HK II – NĂM HỌC 2015-2016

Mã đề Câu	132	209	357	485
1	B	C	B	D
2	A	D	A	A
3	D	A	D	C
4	C	C	A	D
5	A	C	C	B
6	C	D	B	C
7	D	D	C	C
8	B	D	B	D
9	D	C	C	C
10	D	C	B	C
11	C	B	D	A
12	A	D	D	D
13	B	A	D	B
14	D	D	A	B
15	B	B	B	C
16	B	C	C	C
17	B	C	D	B
18	C	B	B	D

19	C	C	A	A
20	C	D	C	D
21	D	A	D	B
22	B	C	B	B
23	C	A	B	D
24	A	A	A	A
25	A	B	B	A
26	B	B	A	D
27	D	B	A	A
28	B	A	D	A
29	A	A	C	D
30	A	B	C	B